

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK MIL,  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HSST  
Ngày: 08/9/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Với T phần hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Trung Dũng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Tịnh
2. Ông Nguyễn Duy Chân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa:** ông Phạm Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 08/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 39/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/HSST-QĐ ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, đối với:

Bị cáo **Nguyễn Sỹ B (Có mặt)**, sinh năm 1995; nơi đăng ký HKTT: Xóm A, xã T, huyện Đ, tỉnh N; chỗ ở trước khi phạm tội: Chung cư H, phường B, quận B, Thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ V hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Sỹ N, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2021, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Đ.

**Những người bị hại:**

1. Ông Lư Cẩm T (*Vắng mặt*), sinh năm 1959  
Địa chỉ: số A đường N, phường A, quận B, Thành phố H.
2. Anh Phạm Hồng Diệu H (*Vắng mặt*), sinh năm 1988  
Địa chỉ: số A, phường H, quận B, Thành phố H
3. Anh Võ Văn N (*Vắng mặt*), sinh năm 1995

Địa chỉ: số A đường E, phường B, Thành phố T, TP. H.

4. Công ty TNHH S

Địa chỉ: Lô A, KCN TMCP thuộc KKTCK M, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Khánh V (*Vắng mặt*), sinh năm 2000

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện B, tỉnh T

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Sỹ N (*Có mặt*), sinh năm 1967

Địa chỉ: Xóm A, xã T, huyện Đ, tỉnh N

2. Anh Nguyễn Khánh V (*Vắng mặt*), sinh năm 2000

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện B, tỉnh T

3. Ông Nguyễn Văn B (*Vắng mặt*), sinh năm 1976

Địa chỉ: Số A, đường B, phường T, quận C, Thành phố H.

4. Anh Nguyễn Bá T (*Vắng mặt*), sinh năm 1994

Địa chỉ: Số A, xã Đ, huyện H, TP. H

5. Ông Trần Trung T (*Vắng mặt*), sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, TP. H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do tình hình dịch bệnh Covid-19, không có thu nhập ổn định nên Nguyễn Sỹ B đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng để tiêu xài cá nhân. Nguyễn Sỹ B đến một tiệm cầm đồ tại Tp.Hồ Chí Minh mua chứng minh nhân dân mang tên Trần Trung T (sinh năm 1979, trú tại ấp A, xã T, huyện C, Tp.H) rồi liên hệ với trang mạng (chưa xác định được địa chỉ cụ thể) để đăng ký T lập mới công ty TNHH TM&SX T, địa chỉ trụ sở: số A ấp B, xã V, huyện B, TP. H, mã số thuế: 0315746200, chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật chức danh Giám đốc là Trần Trung T, tài khoản ngân hàng TMCP A số 9999976, ngành nghề kinh doanh: bán buôn kim loại và quặng kim loại (nhưng thực chất không có trụ sở, kho bãi, nhà xưởng hay hàng hóa gì), chi phí để T lập công ty là 10.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 10/2021, thông qua mạng Internet, B liên hệ được với đối tượng (chưa rõ nhân thân, lai lịch) mua tên miền cho Công ty TNHH TM&SX T là “khothepmiennam.net”, hiển thị số điện thoại và zalo để liên hệ trong website là số 0931980751 và thuê chạy quảng cáo với giá 3.500.000 đồng, mục đích để cho trang mạng của công ty sẽ được ưu tiên hiện lên trang đầu trong kết quả tìm kiếm liên quan đến các từ khóa tìm mua sắt thép của khách hàng. Khi khách hàng truy cập vào trang web có tên miền trên và

liên hệ với số điện thoại, zalo hiển thị trong trang web để mua sắt thép thì B sẽ báo giá thấp hơn thị trường để khách hàng đặt mua. Sau đó, B yêu cầu khách hàng chuyển hết tiền hoặc đặt cọc 50% giá trị đơn hàng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của công ty. Sau khi nhận được tiền, B chặn mọi liên lạc với khách hàng rồi chuyển tài khoản số 205014559 ngân hàng TMCP A mang tên Nguyễn Văn C rút ra tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 07/12/2021, khi ông Lư Cẩm T (sinh năm 1959, trú tại số A đường N, phường A, quận B, TP. H) đang đi công tác tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ thì ông T thông qua mạng internet liên hệ với công ty TNHH Dịch Vụ T để đặt mua sắt thép thì gặp đối tượng tên T (chưa rõ nhân thân, lai lịch). T gọi điện thoại cho Nguyễn Sỹ B và nói B giả danh nhân viên công ty gửi báo giá qua mạng xã hội Zalo cho ông T. Do thấy giá thấp hơn giá thị trường nên ông T đặt mua 30 ống kẽm D76x3mm dài 6m; 45 cây sắt chữ U loại 120x50x5mm dài 6m thì Nguyễn Sỹ B đồng ý. Nguyễn Sỹ B gửi thông tin để T soạn thảo bảng báo giá và giấy xác nhận đối với đơn hàng trên với tổng số tiền là 63.900.000 đồng, đồng thời ghép hình con dấu đỏ của công ty TNHH TM&SX Thép T vào góc trái (trong bảng báo giá còn có một số thông tin khác như số tài khoản của công ty là 88884468, ngân hàng A phòng giao dịch S, hình thức thanh toán, thời gian giao hàng,...), sau đó gửi qua mạng xã hội Zalo cho B để B gửi cho ông T và yêu cầu thanh toán 63.900.000 đồng thì được ông T đồng ý. Ông T dùng tài khoản ngân hàng TMCP A số 9513947 chuyển 63.900.000 đồng vào tài khoản ngân hàng TMCP A số 88884468 của Công ty TNHH TM&SX T cho T. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, ông T tiếp tục đặt mua thêm 15 ống kẽm D34x1,6mm dài 6m với giá là 2.175.000 đồng và chuyển thêm 2.175.000 đồng cho T. Sau khi nhận được tiền, T đã chặn mọi liên lạc với ông T rồi chia cho Nguyễn Sỹ B 33.000.000 đồng. Do biết bị lừa đảo nên ông T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil để trình báo sự việc.

Mở rộng điều tra, cùng với thủ đoạn như trên, Nguyễn Sỹ B còn thực hiện 03 vụ chiếm đoạt tài sản trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh, gồm:

\* **Vụ thứ 1:** vào khoảng 13h25' ngày 02/11/2021, anh Phạm Hồng Diệu H (sinh năm 1988, trú tại phường H, quận A. TP. H) đặt mua 03 cây sắt chữ I 200x100x5,5x8, dài 12m có tổng số tiền là 13.800.000 đồng. Sau khi cung cấp báo giá và xác nhận đơn hàng, Nguyễn Sỹ B yêu cầu anh H chuyển 13.800.000 đồng đặt cọc thì anh H đồng ý. Anh H dùng tài khoản ngân hàng TMCP A số 17371617 chuyển 13.800.000 đồng vào tài khoản ngân hàng TMCP A số 9999976 của Công ty TNHH TM&SX T cho Nguyễn Sỹ B. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Sỹ B đã chặn mọi liên lạc và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

\* **Vụ thứ 2:** vào khoảng 15h40' ngày 03/11/2021, anh Võ Văn N (sinh năm 1995, trú tại số A đường E, phường B, Tp.T. Tp.H) đặt mua 100 cây hộp kẽm loại 30x60x1,4mm dài 6m; 50 cây hộp kẽm 40x80x1,4mm dài 6m và 26 tấm tole màu xanh ngọc 9 sóng 3.5 zem 01x03m có tổng số tiền là 38.340.000 đồng. Sau khi cung cấp báo giá và xác nhận đơn hàng, Nguyễn Sỹ B yêu cầu anh N thanh toán 38.340.000 đồng thì anh N đồng ý. Anh N dùng tài khoản ngân hàng TMCP K Việt Nam số 19034807909013 chuyển 38.340.000 đồng vào tài khoản ngân hàng TMCP A số 9999976 của Công ty TNHH TM&SX T cho Nguyễn Sỹ B. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Sỹ B đã chặn mọi liên lạc và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

\* **Vụ thứ 3:** vào khoảng 17h00' ngày 03/11/2021, Công ty TNHH S đặt mua 01 cây thép hình U150x75, dài 12m; 07 cây thép hình I250x125, dài 12m; 10 cây thép hộp mạ kẽm 40x40x3,2mm, dài 6m; 01 cây thép hình H100x100, dài 6m và 01 ống inox D60.3x3mm, dài 6m có tổng số tiền là 67.664.000 đồng. Sau khi cung cấp báo giá và xác nhận đơn hàng, Nguyễn Sỹ B yêu cầu công ty S chuyển 33.832.000 đồng đặt cọc thì công ty S đồng ý. Đại diện công ty S dùng tài khoản ngân hàng S ở 700011824725 chuyển 33.832.000 đồng vào tài khoản ngân hàng TMCP A số 9999976 của Công ty TNHH TM&SX T cho Nguyễn Sỹ B. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Sỹ B đã chặn mọi liên lạc và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Như vậy, Nguyễn Sỹ B đã thực hiện 04 vụ lừa đảo, chiếm đoạt của 04 bị hại với tổng số tiền là 152.047.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 39/CT-VKS ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố bị cáo Nguyễn Sỹ B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Sỹ B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng với bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo không bào chữa, không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Sỹ B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự và đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Sỹ B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174, Điều 54, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Sỹ B từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn)

tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/12/2021.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 46, khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX:

+ Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả lại cho bị cáo 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng có khắc chữ “NT” và “TD 610” ở khớp nối 2 đầu dây cho bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội.

+ Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, số máy MG4J2KH/A, số IMEI 358366063970563, gắn sim số 0931980751; 01 máy tính xách tay hiệu DELL, loại Latitude 7280, màu đen là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

+ Tịch thu, tiêu huỷ 01 con dấu tên “Trần Trung T” và 03 thẻ sim Mobiphone đã bị khóa, không xác định được số điện thoại do sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

+ Trả lại cho bị cáo: 01 thẻ ATM ngân hàng S số 4221510028989310, 01 thẻ ATM ngân hàng M số 4089041093275386, 01 thẻ ATM ngân hàng A số 9704162466924550 mang tên Nguyễn Sỹ B; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, model RM 190, số IMEI 357693102471043, không gắn sim; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs, số máy MTAX2J/A, số IMEI 357237093130166, không gắn sim; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, số máy MN9E2LL/A, số IMEI 355325084341132, gắn sim số 09051556484; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, số máy MG913LL/A, số IMEI 3567713118470952, gắn sim số 0937822666

+ Đối với 01 thẻ ATM ngân hàng A số 9704162463091957 mang tên Nguyen Van C; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Sỹ T, sinh năm 25/10/1980 (Số CMND đã mờ, không rõ); 01 giấy chứng minh nhân dân số 351758501 mang tên Nguyễn Quốc V, sinh năm 22/6/1987; 01 giấy chứng minh nhân dân số 182060840 mang tên Nguyễn Trọng T, sinh năm 19/8/1963; 01 giấy chứng minh nhân dân số 186686542 mang tên Ngô Văn G, sinh năm 16/5/1990; 01 giấy chứng minh nhân dân số 025614382 mang tên Trịnh Đức A, sinh năm 03/01/1997; 01 giấy chứng minh nhân dân số 187267284 mang tên Võ Văn Q, sinh năm 10/3/1993; 01 giấy chứng minh nhân dân số 184281124 mang tên Phan Tiến Đ, sinh năm 02/8/1993 do Nguyễn Sỹ B mua tại các tiệm cầm đồ trên địa bàn Tp.H; 01 quyển Phiếu xuất kho bìa màu xanh lam; 01 quyển Sổ hóa đơn, bìa trước màu xanh nhạt có đóng 04 dấu “GIÁM ĐỐC Phan Thành T”, 02 giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán và đăng ký sản phẩm dịch vụ ngân hàng A (dành cho tổ chức), tên tổ chức đăng ký “CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI T” (01 bản đã được đóng dấu ký tên của công ty đăng ký ở các

trang và đóng dấu giáp lai các trang); 02 giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán và đăng ký sản phẩm dịch vụ ngân hàng A (dành cho cá nhân), tên cá nhân đăng ký “Bùi Phan Minh T” (01 bản đã được ký tên và đóng dấu giáp lai các trang); 02 giấy cam kết về việc không đăng ký chữ ký kế toán trưởng trong giao dịch tài khoản ngân hàng A, người cam kết “Bùi Phan Minh T” (01 bản đã được ký tên và đóng dấu); 02 giấy cam kết về việc quản lý con dấu trong giao dịch TKTT tại ngân hàng A, người cam kết “Bùi Phan Minh T” (01 bản đã được ký tên và đóng dấu); 02 giấy “Hợp đồng tài khoản thanh toán” bên A: ngân hàng TMCP A, bên B: Công ty TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI T (01 bản đã được ký tên và đóng dấu của bên B); 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH MTV, mã số doanh nghiệp: 0317053321 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư TP. H cấp (bản gốc); 01 giấy thông báo về cơ quan thuế quản lý, số: 608663/21 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư TP. H cấp (bản chính); 01 Giấy xác nhận mẫu dấu, số: 2549/MV do Công ty TNHH dịch vụ khắc dấu M đề nghị giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil để tiếp tục điều tra, làm rõ để tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Phạm Hồng Diệu H 13.800.000 đồng, bồi thường cho bị hại Võ V N 38.340.000 đồng, bồi thường cho bị hại công ty TNHH S 67.664.000, bồi thường cho bị hại Lư Cẩm T 66.075.000 đồng. Các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Một số vấn đề khác:

Đối với công ty TNHH SX&TM T, qua xác minh tại Công an xã V, huyện B được biết tại địa chỉ D, ấp 4, xã V, huyện B, TP. H không có trụ sở hay nhà xưởng nào là Công ty TNHH SX&TM T. Quá trình điều tra xác định anh Trần Trung T (trú tại ấp A, xã T, huyện C, TP. H) không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên không đủ cơ sở để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng đã giúp Nguyễn Sỹ B đăng ký T lập công ty, tên miền trang web, chạy quảng cáo cho công ty, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với đường link website của Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại T là “khothepmiennam.net” và “khothepsg.com” hiện đã bị chặn, không còn truy cập vào được.

Đối với 02 tài khoản mang tên Nguyễn Văn C và Hồ Viết T, Nguyễn Sỹ B mua trên mạng với giá 500.000 đồng/01 thẻ, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với đối tượng tên “T” theo lời khai là người cùng Nguyễn Sỹ B lừa đảo chiếm đoạt được của anh Lư Cẩm T số tiền 66.075.000đ, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch của “T”, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với giao dịch chuyển số tiền 20.237.000đ từ số tài khoản 000001159870, ngân hàng TMCP Việt Nam T đến số tài khoản 9999976 vào ngày 04/11/2021. Kết quả tra cứu tại ngân hàng TMCP V được cung cấp thông tin chủ tài khoản trên là Công ty TNHH Đầu Tư Kinh Doanh T, có địa chỉ tại lô B, đường số 1, khu công nghiệp H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L. Tuy vậy, xác minh tại Công an xã Đ được biết tại địa chỉ trên không có Công ty TNHH Đầu Tư Kinh Doanh T, do đó hiện chưa xác định được chủ tài khoản trên để xác định hành vi có liên quan. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Về án phí hình sự: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; lời khai của bị cáo; lời khai của người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Sỹ B cũng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc theo bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng được thu giữ, các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án được công bố công khai tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử nhận định: Trong khoảng thời gian từ ngày 02/11/2021 đến 07/12/2021, bị cáo Nguyễn Sỹ B đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách lập công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại T và công ty TNHH Dịch Vụ T, giả bán

các loại sắt, thép; khi khách hàng có nhu cầu mua sắt thép, bị cáo Nguyễn Sỹ B đã yêu cầu khách hàng đặt cọc hoặc thanh toán tiền trước khi giao hàng nhưng không giao hàng rồi chiếm đoạt số tiền này để tiêu xài cá nhân. Với thủ đoạn gian dối như trên, Nguyễn Sỹ B đã 04 lần chiếm đoạt tài sản của 04 bị hại với tổng số tiền là 152.047.000 đồng, cụ thể:

- Vụ thứ nhất: vào khoảng 13 giờ 25 phút ngày 02/11/2021, Nguyễn Sỹ B lừa bán sắt thép cho anh Phạm Hồng Diệu H với số tiền 13.800.000 đồng và yêu cầu anh H chuyển 13.800.000 đồng rồi chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân.

- Vụ thứ hai: vào khoảng 15 giờ 40 phút ngày 03/11/2021, Nguyễn Sỹ B lừa bán sắt thép cho anh Võ Văn N với số tiền 38.340.000 đồng và yêu cầu anh N chuyển 38.340.000 đồng rồi chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân.

- Vụ thứ ba: vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 03/11/2021, Nguyễn Sỹ B lừa bán sắt thép cho công ty TNHH S với số tiền là 67.664.000 đồng và yêu cầu công ty S chuyển 33.832.000 đồng đặt cọc rồi chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân.

- Vụ thứ tư, vào khoảng 14 giờ 00 phút đến 20 giờ 30 phút ngày 07/12/2021, Nguyễn Sỹ B lừa bán sắt thép cho ông Lư Cẩm T với đơn hàng là 66.075.000 đồng và yêu cầu ông T chuyển 66.075.000 đồng rồi chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Nguyễn Sỹ B đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối bằng cách lập công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại T và công ty TNHH Dịch Vụ T, giả bán các loại sắt, thép, khi khách hàng có nhu cầu mua hàng, Nguyễn Sỹ B yêu cầu khách hàng đặt cọc hoặc thanh toán tiền trước khi giao hàng nhưng không giao hàng rồi chiếm đoạt số tiền này để tiêu xài cá nhân. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo nhận thức được rằng dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Sỹ B đã đủ yếu tố cấu T tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Nguyễn Sỹ B đã 04 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 04 bị hại với tổng số tiền là 152.047.000 đồng. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Điều 174 của Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

...



2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...”

Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là công dân có đầy đủ nhận thức pháp luật để biết được quyền tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, được pháp luật B vệ, nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của người bị hại để tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi và hậu quả xảy ra mới có tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 4 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 04 người bị hại và mỗi lần đều đủ yếu tố cấu T tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền (152.047.000 đồng) mà bị cáo đã chiếm đoạt của những người bị hại; bị cáo đã tích cực phối hợp với cơ quan Công an trong việc phát hiện ra tội phạm; toàn bộ những người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân của bị cáo: Tiền án, tiền sự không, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn nhưng vẫn cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo T công dân có ích cho gia đình và xã hội; có tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền 152.047.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt của những người bị hại, cụ thể: bồi thường cho anh Phạm Hồng Diệu H 13.800.000 đồng, bồi thường cho anh Võ Văn N 38.340.000 đồng, bồi thường cho công ty TNHH S 67.664.000, bồi thường cho anh Lư Cẩm T 66.075.000 đồng. Những người bị hại đã có đơn không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự:

- + Đối với 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng có khắc chữ “NT” và “TD\_610” ở khớp nối 2 đầu dây do không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả lại cho bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

- + Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, số máy MG4J2KH/A, số IMEI 358366063970563; 01 máy tính xách tay hiệu DELL, loại Latitude 7280, màu đen là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

- + Đối với 01 con dấu tên “Trần Trung T”, 01 sim số 0931980751 và 03 thẻ sim Mobiphone đã bị khóa, không xác định được số điện thoại do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy là phù hợp.

- + Đối với 01 thẻ ATM ngân hàng S số 4221510028989310, 01 thẻ ATM ngân hàng M số 4089041093275386, 01 thẻ ATM ngân hàng A số 9704162466924550 mang tên Nguyễn Sỹ B; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, model RM 190, số IMEI 357693102471043, không gắn sim; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs, số máy MTAX2J/A, số IMEI 357237093130166, không gắn sim; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, số máy MN9E2LL/A, số IMEI 355325084341132, gắn sim số 09051556484; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, số máy MG913LL/A, số IMEI 3567713118470952, gắn sim số 0937822666, do không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

- + Đối với 01 thẻ ATM ngân hàng A số 9704162463091957 mang tên Nguyen Van C; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Sỹ T, sinh năm 25/10/1980 (Số CMND đã mờ, không rõ); 01 giấy chứng minh nhân dân số 351758501 mang tên Nguyễn Quốc V, sinh năm 22/6/1987; 01 giấy chứng minh nhân dân số 182060840 mang tên Nguyễn Trọng T, sinh năm 19/8/1963; 01 giấy chứng minh nhân dân số 186686542 mang tên Ngô V G, sinh năm 16/5/1990; 01 giấy chứng minh nhân dân số 025614382 mang tên Trịnh Đức A, sinh năm 03/01/1997; 01 giấy chứng minh nhân dân số 187267284 mang tên Võ V Q,

sinh năm 10/3/1993; 01 giấy chứng minh nhân dân số 184281124 mang tên Phan T Đ, sinh năm 02/8/1993 do Nguyễn Sỹ B mua tại các tiệm cầm đồ trên địa bàn Tp.H; 01 quyển Phiếu xuất kho bì màu xanh lam; 01 quyển Sổ hóa đơn, bì trước màu xanh nhạt có đóng 04 dấu “GIÁM ĐỐC Phan T T”, 02 giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán và đăng ký sản phẩm dịch vụ ngân hàng A (dành cho tổ chức), tên tổ chức đăng ký “CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI T” (01 bản đã được đóng dấu ký tên của công ty đăng ký ở các trang và đóng dấu giáp lai các trang); 02 giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán và đăng ký sản phẩm dịch vụ ngân hàng A (dành cho cá nhân), tên cá nhân đăng ký “Bùi Phan Minh T” (01 bản đã được ký tên và đóng dấu giáp lai các trang); 02 giấy cam kết về việc không đăng ký chữ ký kế toán trưởng trong giao dịch tài khoản ngân hàng A, người cam kết “Bùi Phan Minh T” (01 bản đã được ký tên và đóng dấu); 02 giấy cam kết về việc quản lý con dấu trong giao dịch TKTT tại ngân hàng A, người cam kết “Bùi Phan Minh T” (01 bản đã được ký tên và đóng dấu); 02 giấy “Hợp đồng tài khoản thanh toán” bên A: ngân hàng TMCP A (ACB), bên B: Công ty TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI T (01 bản đã được ký tên và đóng dấu của bên B); 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH MTV, mã số doanh nghiệp: 0317053321 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư TP. H cấp (bản gốc); 01 giấy thông báo về cơ quan thuế quản lý, số: 608663/21 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư TP. H cấp (bản chính); 01 Giấy xác nhận mẫu dấu, số: 2549/MV do Công ty TNHH dịch vụ khắc dấu M cần giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Một số vấn đề khác:

Đối với công ty TNHH SX&TM T, qua xác minh tại Công an xã V được biết tại địa chỉ D, ấp 4, xã V, huyện B, TP. H không có trụ sở hay nhà xưởng nào là Công ty TNHH SX&TM T. Quá trình điều tra xác định anh Trần Trung T không liên quan đến hành vi phạm tội của bị can nên không đủ cơ sở để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng đã giúp Nguyễn Sỹ B đăng ký T lập công ty, tên miền trang web, chạy quảng cáo cho công ty, Cơ quan điều tra Công an huyện Đ tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với đường link website của Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại T là “khothepmiennam.net” và “khothepsg.com” hiện đã bị chặn, không còn truy cập vào được.

Đối với 02 tài khoản mang tên Nguyễn Văn Cg và Hồ Viết T, Nguyễn Sỹ B mua trên mạng với giá 500.000 đồng/01 thẻ, Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với đối tượng tên “T” theo lời khai là người cùng Nguyễn Sỹ B lừa đảo chiếm đoạt được của anh Lư Cẩm T số tiền 66.075.000đ, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch của “T”, Cơ quan điều tra Công an huyện Đăk Mil tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với giao dịch chuyển số tiền 20.237.000đ từ số tài khoản 000001159870, ngân hàng TMCP Việt Nam T đến số tài khoản 9999976 vào ngày 04/11/2021. Kết quả tra cứu tại ngân hàng TMCP Việt Nam T được cung cấp thông tin chủ tài khoản trên là Công ty TNHH Đầu Tư Kinh Doanh T, có địa chỉ tại lô B, đường số 1, khu công nghiệp H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L. Tuy vậy, xác minh tại Công an xã Đ được biết tại địa chỉ trên không có Công ty TNHH Đầu Tư Kinh Doanh T, do đó hiện chưa xác định được chủ tài khoản trên để xác định hành vi có liên quan. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Về án phí hình sự: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do bị cáo bị kết án nên bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Xét quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về tội danh và hình phạt:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Sỹ B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, Điều 54, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Sỹ B 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/12/2021.

**2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét, giải quyết.**

**3. Về vật chứng vụ án:** Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 46, khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự:

+ Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Mil đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Sỹ B 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng có khắc chữ “NT” và “TD 610” ở khớp nối 2 đầu dây cho bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội.

+ Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, số máy MG4J2KH/A, số IMEI 358366063970563; 01 máy tính xách

tay hiệu DELL, loại Latitude 7280, màu đen là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

+ Tịch thu, tiêu huỷ 01 con dấu tên “Trần Trung T”, 01 sim số 0931980751 và 03 thẻ sim Mobiphone đã bị khóa, không xác định được số điện thoại do không còn giá trị sử dụng.

+ Trả lại 01 thẻ ATM ngân hàng S số 4221510028989310, 01 thẻ ATM ngân hàng M số 4089041093275386, 01 thẻ ATM ngân hàng A số 9704162466924550 mang tên Nguyễn Sỹ B; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, model RM 190, số IMEI 357693102471043, không gắn sim; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs, số máy MTAX2J/A, số IMEI 357237093130166, không gắn sim; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, số máy MN9E2LL/A, số IMEI 355325084341132, gắn sim số 09051556484; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, số máy MG913LL/A, số IMEI 3567713118470952, gắn sim số 0937822666 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

+ Đối với 01 thẻ ATM ngân hàng A số 9704162463091957 mang tên Nguyen Van C; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Sỹ T, sinh năm 25/10/1980 (Số CMND đã mờ, không rõ); 01 giấy chứng minh nhân dân số 351758501 mang tên Nguyễn Quốc V, sinh năm 22/6/1987; 01 giấy chứng minh nhân dân số 182060840 mang tên Nguyễn Trọng T, sinh năm 19/8/1963; 01 giấy chứng minh nhân dân số 186686542 mang tên Ngô Văn G, sinh năm 16/5/1990; 01 giấy chứng minh nhân dân số 025614382 mang tên Trịnh Đức A, sinh năm 03/01/1997; 01 giấy chứng minh nhân dân số 187267284 mang tên Võ V Q, sinh năm 10/3/1993; 01 giấy chứng minh nhân dân số 184281124 mang tên Phan T Đ, sinh năm 02/8/1993 do Nguyễn Sỹ B mua tại các tiệm cầm đồ trên địa bàn Tp.H; 01 quyển Phiếu xuất kho bìa màu xanh lam; 01 quyển Sổ hóa đơn, bìa trước màu xanh nhạt có đóng 04 dấu “GIÁM ĐỐC Phan T T”, 02 giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán và đăng ký sản phẩm dịch vụ ngân hàng A (dành cho tổ chức), tên tổ chức đăng ký “CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI T” (01 bản đã được đóng dấu ký tên của công ty đăng ký ở các trang và đóng dấu giáp lai các trang); 02 giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán và đăng ký sản phẩm dịch vụ ngân hàng A (dành cho cá nhân), tên cá nhân đăng ký “Bùi Phan Minh T” (01 bản đã được ký tên và đóng dấu giáp lai các trang); 02 giấy cam kết về việc không đăng ký chữ ký kế toán trưởng trong giao dịch tài khoản ngân hàng C, người cam kết “Bùi Phan Minh T” (01 bản đã được ký tên và đóng dấu); 02 giấy cam kết về việc quản lý con dấu trong giao dịch TKTT tại ngân hàng C, người cam kết “Bùi Phan Minh T” (01 bản đã được ký tên và đóng dấu); 02 giấy “Hợp đồng tài khoản thanh toán” bên A: ngân hàng TMCP C, bên B: Công ty TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THÉP T (01 bản đã được ký

tên và đóng dấu của bên B); 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH MTV, mã số doanh nghiệp: 0317053321 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư TP. H cấp (bản gốc); 01 giấy thông báo về cơ quan thuế quản lý, số: 608663/21 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư TP. H cấp (bản chính); 01 Giấy xác nhận mẫu dấu, số: 2549/MV do Công ty TNHH dịch vụ khắc dấu M giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Sỹ B phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi của mình) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi của mình) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Công an huyện Đắk Mil  
(Đội điều tra, Bộ phận NVHS,  
Đội THAHS);
- Bị cáo, người bị hại, người liên quan;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Trung Dũng**